TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 248/2025/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 540/2025/TLST–HNGĐ ngày 27/5/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Tuấn Đ, sinh năm 1980

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: Số A, khu phố E (khu phố C cũ), phường T (Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, ông Phạm Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, vào ngày 14/11/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, (Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 01/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2024 thì ông Đ cho rằng ông phát hiện bà N ngoại tình với người đàn ông khác bên ngoài nhưng không bắt gặp quả tang từ đó xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn yêu thương nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Cuộc sống chung rất mệt mỏi và ngột ngạt, không đạt được mục đích hôn nhân. Hiện tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông Đ và bà N đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay ông Đ và bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Tuấn Đ với bà Nguyễn Thị N xác định có 03 (ba) con chung là các trẻ tên Phạm Nguyễn Yến N, sinh ngày 06/6/2003; Phạm Nguyễn Yến T, sinh ngày 31/7/2005; Phạm Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 29/11/2009. Trẻ Phạm Nguyễn Yến N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyễn Yến T. Ông Phạm Tuấn Đ cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Nguyễn Yến T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến suốt đời do trẻ Phạm Nguyễn Yến T bị khuyết tật bẩm sinh.

Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyễn Minh Đ. Ông Phạm Tuấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Nguyễn Minh Đ.

Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi quyết định này có hiệu lực. Các bên tự thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thực hiện tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Tuấn Đ với bà Nguyễn Thị N xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chung (nợ chung): Ông Phạm Tuấn Đ với bà Nguyễn Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Ông Phạm Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị N mỗi người phải nộp là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực giấy chứng nhận kết hôn số số 138, quyển số 01/2002 của Ủy ban nhân dân phường T, (Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh ngày ngày 14/11/2002 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Ông Phạm Tuấn Đ với bà Nguyễn Thị N xác định có 03 (ba) con chung là các trẻ Phạm Nguyễn Yến N, sinh ngày 06/6/2003; Phạm Nguyễn Yến T, sinh ngày 31/7/2005; Phạm Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 29/11/2009. Trẻ Phạm Nguyễn Yến N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyễn Yến T. Ông Phạm Tuấn Đ cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Nguyễn Yến T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng đến suốt đời do trẻ Phạm Nguyễn Yến T bị khuyết tật bẩm sinh.

Bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phạm Nguyễn Minh Đ. Ông Phạm Tuấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi Phạm Nguyễn Minh Đ.

Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi quyết định này có hiệu lực. Các bên tự thực hiện việc cấp dưỡng hoặc thực hiện tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Phạm Tuấn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Tuấn Đ không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì ông Phạm Tuấn Đ còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Tuấn Đ với bà Nguyễn Thị N xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung (nợ chung): Ông Phạm Tuấn Đ với bà Nguyễn Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Phạm Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị N mỗi người chịu là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Đ, bà N đã nộp là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu số 0071823 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 (Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ, bà N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND KV 7;
- TAND TPHCM;
- Phòng THADS KV 7;
- UBND P. Tân Thới Hiệp, (Quận 12 cũ);
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo